TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT, TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST
Ngày: 30 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Duy Chinh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Kiều Thị Ninh.
Ông Nguyễn Văn Học.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Uyến – Thư ký tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/HSST-QĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Q, sinh năm 1963; nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Nam Võng Ngoại, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K1 (Đã chết) và bà Bùi Thị Ng (Đã chết); có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/5/1994 bị Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh Hà Tây xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 08/02/2020; bị cáo tại ngoại "Có mặt".

2. Lê Thanh M, sinh năm 1967; nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Bắc Võng Ngoại, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình D (Đã chết) và bà Lê Thị H; có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 08/02/2020; bị cáo tại ngoại "Có mặt".

3. Bùi Văn C, sinh năm 1968; nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Bắc Võng Ngoại, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Ch (Đã chết) và bà Nguyễn Thị S (Đã chết); có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 08/02/2020; bị cáo tại ngoại "Có mặt".

4. Nguyễn Văn N, sinh năm 1961; nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Phúc Trạch, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (Đã chết) và bà Ngô Thị C1 (Đã chết); có vợ và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 08/02/2020; bị cáo tại ngoại "Có mặt".

5. Nguyễn Tuấn M1, sinh năm 1977; nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Nam Võng Ngoại, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh C2 và bà Khuất Thị L; có vợ và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/6/2009 bị Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng 20 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngày 21/3/2011 bị Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xử phạt 07 tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp với 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của bản án trước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 34 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2013 (Đã được xóa án tích). Bị cáo đầu thú được tại ngoại "Có mặt".

6. Lê Đức K, sinh năm 1984; nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Bắc Võng Ngoại, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc M2 (Đã chết) và bà Lê Thị T1; có vợ (Đã ly hôn), chưa có con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 08/02/2020; bị cáo tại ngoại "Có mặt".

7. Lê Trung Đ, sinh năm 1977; nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Nam Võng Ngoại, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V (Đã chết) và bà Vũ Thị S1; có vợ và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 08/02/2020; bị cáo tại ngoại "Có mặt".

8. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982; nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Nam Võng Ngoại, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr (Đã chết) và bà Lê Thị L1; có vợ (Đã ly hôn) và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 08/02/2020; bị cáo tại ngoại "Có mặt".

9. Lê Văn T, sinh năm 1961; nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Bắc Võng Ngoại, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 (Đã chết) và bà Bùi Thị M3 (Đã chết); có vợ và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 08/02/2020; bị cáo tại ngoại "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/02/2020, bị cáo Lê Văn Q đang ở nhà thì bị cáo Bùi Văn C đi một mình đến ngồi chơi uống nước. Một lúc sau có các bị cáo Lê Thanh M, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn M1 lần lượt đi đến. Trong lúc ngồi nói chuyện uống nước thì các bị cáo C, M, N, M1 rủ nhau đánh tá lả. Bị cáo Q liền đi lấy hai bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở nhà mang ra đặt xuống chiếu đã trải sẵn từ trước trên nền nhà tại gian phòng khách, chiếc chiếu này là bị cáo Q trải để ăn cơm từ buổi sáng nhưng chưa cất chiếu. Bị cáo C, M, N, M1 cùng ngồi xuống chiếu đánh tá lả. Trong lúc đang đánh bạc thì có ông Lê Văn C3 đi đến và ngồi xem chứ không tham gia đánh bạc.

Chơi được khoảng 30 phút thì có bị cáo Lê Đức K đi một mình đến và ngồi ở bàn cùng với bị cáo Q và ông C3. Sau đó có bị cáo Lê Văn T, bị cáo Lê Trung Đ lần lượt đi đến. Các bị cáo K, T, Đ cùng rủ nhau đánh tá lả nhưng do thiếu một người chơi nên Đ rủ bị cáo Q tham gia đánh bạc và Q đồng ý. Do trong nhà đã hết bài nên bị cáo Q bảo K đi mua hai bộ bài tú lơ khơ về để đánh bạc. K đi mua hai bộ bài tú lơ khơ mang vào buồng để sử dụng đánh bạc. Các bị cáo K, T, Đ, Q cùng ngồi xuống chiếu để đánh bạc. Khi vừa chia xong quân bài của ván bài đầu tiên nhưng chưa kịp chơi thì bị cáo Nguyễn Văn Th đến, nhìn thấy Th đi vào, bị cáo Q hỏi "Mày có chơi không?" thì Th trả lời là "Có!" và ngồi xuống thay chỗ Q tham gia đánh bạc. Bị cáo Q chưa tham gia đánh ván bạc nào chỉ ngồi xem các bị cáo đánh bạc. Trong lúc đánh bạc, bị cáo Lê Đức K bị thua hết tiền nên đã hỏi nợ Q số tiền 1.000.000 đồng là tiền Q vay của K từ mấy hôm trước dùng vào mục đích cá nhân không liên quan gì đến hành vi đánh bạc. Q đưa trả cho K tiền và K tiếp tục sử dụng số tiền này vào việc đánh bạc.

Cách thức chơi đánh bạc cụ thể như sau: Ở cả hai chiếu bạc các bị cáo đều sử dụng song song cả hai bộ bài tú lơ khơ để đánh bạc và thay đổi từng ván. Những người tham gia đánh bạc đã tự thống nhất với nhau mỗi ván ù, người ù sẽ bỏ ra 30.000 đồng tiền điện nước để cho chủ nhà (Gọi là tiền phế). Tại chiếc bạc ở gian phòng khách các bị cáo đã tự để ra được số tiền là 180.000 đồng để ở mép chiếu; tại chiếu bạc ở gian buồng các bị cáo đã tự để ra được số tiền là 230.000 đồng để ở mép chiếu. Số tiền trên các bị cáo chưa kịp đưa cho chủ nhà thì đã bị lực lượng Công an phát hiện.

Trên cả hai chiếu bạc, các bị cáo đều có cách chơi và tỷ lệ được thua giống nhau. Cụ thể: Người chia bài sẽ dùng bộ quân bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài để chia theo vòng tròn và chia đều cho mỗi người tham gia chơi 9 quân bài; riêng người chia bài thì được chia 10 quân bài và là người đánh quân bài đầu tiên của ván bài đó. Số quân bài còn lại thì để dưới chiếu ở trước mặt bốn người tham gia đánh bài (Được gọi là bài nọc). Khi một quân bài được đánh xuống chiếu, nếu trên tay người chơi ngồi phía bên phải người đánh quân bài đó có cạ, gồm hai quân bài giống nhau hoặc liền kề nhau cùng chất thì được ăn, nhặt quân bài đó lên và cho vào cạ của mình để tạo thành một phỏm gồm ba quân bài và lại là người được đánh tiếp quân bài tiếp theo. Nếu người ngồi sát cạnh bên phải người đánh không ăn được thì phải bốc thêm một quân bài trên cùng ở dưới chiếu (Gọi là bốc nọc) để đánh tiếp; nếu người ngồi liền kề sau đó có cạ thì được

ăn quân bài đó và là người sau đó được đánh tiếp. Lần lượt chơi bài như vậy cho đến khi số quân bài dưới chiếu hết thì ván bài kết thúc. Người chơi hạ bài tính điểm với nhau để phân định thắng, thua. Tính theo thứ tự, bài của ai có tổng số điểm ít nhất là người về nhất, thắng ván bài đó, ai có số điểm cao nhất là người về bét, xếp thứ tư của ván bài đó. Người về nhất sẽ được người về nhì trả 40.000 đồng, người về ba trả 60.000 đồng, người về thứ tư trả 80.000 đồng. Khi kết thúc ván bài nếu ai không có phỏm, tức là bị móm, cháy thì phải trả 100.000 đồng cho người về nhất ván bài đó. Ngoài ra, trong một ván bài nếu ai ù, tức là trên bài có 09 quân bài đã kết vào phỏm thì được mỗi người tham gia chơi trả 150.000 đồng. Người nào ù hoặc nhất của ván bài trước sẽ là người được chia bài và đánh quân bài đầu tiên của ván kế tiếp.

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tang vật gồm: Thu tại chiếu bạc trong phòng khách các tài sản đồ vật như sau: Thu tại mặt chiếu hai bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân và số tiền 2.700.000 đồng. Thu tại mép chiếu số tiền 180.000 đồng; thu trên chiếu, trước mặt bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 1.680.000 đồng; thu trên người ông Lê Văn C3 số tiền 4.700.000 đồng và một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen. Thu trên người bị cáo Lê Thanh M số tiền 5.700.000 đồng và một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng; thu trên người bị cáo Bùi Văn C một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu xám bạc; thu trên người bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 1.000.000 đồng và một điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng. Thu tại chiếu bạc trong phòng ngủ các tài sản đồ vật như sau: Thu tại mặt chiếu hai bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ 52 quân bài; thu tại mép chiếu số tiền 230.000 đồng; thu trên chiếu, trước mặt bị cáo Lê Đức K số tiền 1.700.000 đồng; thu trên chiếu, trước mặt bị cáo Lê Trung Đ số tiền 400.000 đồng; thu trên chiếu, trước mặt bị cáo Nguyễn Văn Th số tiền 120.000 đồng; thu trên chiếu, trước mặt bị cáo Lê Văn T số tiền 2.640.000 đồng. Thu trên người bị cáo Lê Đức K một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, màu vàng và một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu xám. Thu trên người bị cáo Lê Trung Đ một điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1606, màu đen. Thu trên người bị cáo Nguyễn Văn Th một điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A33W màu đen. Thu trên người bị cáo Lê Văn T một điện thoại di động Itel màu đỏ đen và số tiền 3.100.000 đồng. Thu trên người bị cáo Lê Văn Q một điện thoại di động Nokia 106 màu đen.

Quá trình bắt giữ do hoảng sợ nên bị cáo Nguyễn Tuấn M1 bỏ chạy. Ngày 13/02/2020 bị cáo Nguyễn Tuấn M1 đã đến Công an huyện PT, Thành phố Hà Nội đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Lê Văn Q khai nhận: Khi các bị cáo khác đến đánh bạc tại gian phòng khách và gian phòng ngủ của nhà bị cáo thì bị cáo không phản đối, không ngăn cản. Khi bị cáo ngồi xem đánh bạc tại gian phòng ngủ có nhìn thấy các bị cáo đóng góp tiền phế là 230.000 đồng, nhưng bị cáo chưa cầm số tiền trên thì Công an bắt quả tang. Hai bộ bài tú lơ khơ thu giữ tại

chiếu bạc ở gian phòng khách là của bị cáo đã mua từ lâu nhưng chưa sử dụng. Khi các bị cáo rủ nhau đánh bạc tại gian phòng ngủ thì bị cáo có bảo bị cáo Lê Đức K đi mua bài về phục vụ cho việc đánh bạc. Bản thân bị cáo không tham gia đánh bạc, không rủ rê, lôi kéo ai đến tham gia đánh bạc mà các bị cáo tự đến và chưa kịp nhận tiền phế của các bị cáo khác. Bị cáo Lê Thanh M khai nhận: Khi tham gia đánh bạc mang theo 5.900.000 đồng, bị cáo lấy ra 200.000 đồng để chơi trước, nếu thua thì mới lấy tiếp số tiền 5.700.000 đồng ra chơi tiếp. Quá trình đánh bạc có thắng, có ù, có góp tiền phế nhưng không nhớ là góp bao nhiêu. Khi bị bắt thì bị cáo đang thắng được khoảng 2.500.000 đồng, nhưng do hoảng sợ nên đã vứt tất cả số tiền khoảng 2.700.000 đồng, bao gồm tiền ban đầu và tiền thắng bạc xuống chiếu bạc và bị thu giữ số tiền 5.700.000 đồng trên người. Bị cáo Bùi Văn C khai nhận: Khi tham gia đánh bạc có khoảng 2.500.000 đồng, đến khi bị bắt là đang thua hết tiền nên không bị thu giữ gì. Bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận: Khi tham gia đánh bạc có khoảng 2.300.000 đồng để đánh bạc, bị cáo lấy ra khoảng 1.300.000 đồng để chơi trước, nếu thua thì mới lấy số tiền 1.000.000 đồng để chơi tiếp. Khi bị bắt bị cáo đã ù ba ván, góp tiền phế 90.000 đồng, đang thắng khoảng 380.000 đồng; bị cáo bị thu giữ 1.680.000 đồng gồm tiền ban đầu và tiền thắng bạc ở dưới chiếu trước mặt và bị thu giữ 1.000.000 đồng ở trên người. Bị cáo Nguyễn Tuấn M1 khai nhận: Khi tham gia đánh bạc có khoảng 400.000 đồng, khi lực lượng Công an vào bắt quả tang thì bị cáo chưa ù ván nào, không phải nộp tiền phế, đang thua khoảng 200.000 đồng, còn lại khoảng 200.000 đồng, nhưng do hoảng sợ đã vứt bỏ xuống chiếu bạc. Bị cáo Lê Đức K khai nhận: Khi tham gia đánh bạc mang theo số tiền khoảng 800.000 đồng để đánh bạc. Sau khi thua hết số tiền mang theo, bị cáo hỏi tiền mà cho bị cáo Q mượn 1.000.000 đồng trước đó bị cáo cho vay để bị cáo Q chi tiêu cá nhân. Bị cáo Q đã trả nợ cho bị cáo 1.000.000 đồng, số tiền này bị cáo đã sử dụng đánh bạc. Khi bị bắt bị cáo đang thua khoảng 100.000 đồng và bị thu giữ 1.700.000 đồng ở dưới chiếu trước mặt bị cáo. Bị cáo Lê Trung Đ khai nhận: Khi tham gia đánh bạc mang theo số tiền khoảng 1.700.000 đồng để đánh bạc. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang thì bị cáo đang thua khoảng 1.300.000 đồng và bị thu giữ số tiền 400.000 đồng ở dưới chiếu trước mặt. Bị cáo Nguyễn Văn Th khai nhận: Khi tham gia đánh bạc mang theo số tiền khoảng 1.060.000 đồng để đánh bạc, khi lực lượng Công an vào bắt quả tang thì đang thua khoảng 940.000 đồng và bị thu giữ số tiền 120.000 đồng ở dưới chiếu trước mặt. Bị cáo Lê Văn T khai nhận: Khi đến nhà bị cáo Q thì bị cáo có mang theo số tiền là 3.600.000 đồng, khi tham gia đánh bạc bị cáo lấy ra 500.000 đồng để đánh bạc, còn 3.100.000 đồng bị cáo vẫn cất trong người, đây là tiền vợ bị cáo đưa để mua cám phục vụ chăn nuôi của gia đình, không sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt thì bị cáo đang là người thắng và ù nhiều nhất tại chiếu bạc, bị cáo thắng được số tiền khoảng 2.140.000 đồng, bị thu giữ số tiền 2.640.000 đồng dưới chiếc bạc và 3.100.000 đồng trên người bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số: 43/CT-VKSPT ngày 28 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội Gá bạc, theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự. Truy tố đối với các bị cáo Lê Thanh M, Bùi Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn M1, Lê Đức K, Lê Trung Đ, Nguyễn Văn Th và Lê Văn T về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội Gá bạc, tuyên bố các bị cáo Lê Thanh M, Bùi Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn M1, Lê Đức K, Lê Trung Đ, Nguyễn Văn Th, Lê Văn T phạm tội Đánh bạc. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Văn Q từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thanh M từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án. Xử phạt bị cáo Bùi Văn C, bị cáo Nguyễn Văn N mỗi bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn M1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Đức K, bị cáo Lê Trung Đ, bị cáo Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 07 tháng đến 10 tháng Cải tạo không giam giữ; được trừ thời gian tạm giữ.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ xung đối với các bị cáo.

Đề nghị tịch thu xung quỹ Nhà nước số tiền 16.350.000 đồng, tịch thu tiêu hủy 04 bộ bài tú lơ khơ. Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai và đều rất hối hận về hành vi của mình, nên xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt ở mức thấp nhất để có cơ hội sửa chữa sai lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 05/02/2020 bị cáo Lê Văn Q đã cho các bị cáo Lê Thanh M, Bùi Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn M1, Lê Đức K, Lê Trung Đ, Nguyễn Văn Th và Lê Văn T đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi tá lả trên hai chiếu bạc riêng biệt, tại nhà của mình thuộc thôn Nam Võng Ngoại, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Cụ thể: Tại chiếu bạc ở phòng khách gồm có các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Thanh M, Bùi Văn C, Nguyễn Tuấn M1; trong khi chơi bạc các bị cáo đã tự để ra mép chiếu số tiền 180.000 đồng, mục đích là để trả tiền phế cho bị cáo Lê Văn Q. Tại chiếu bạc ở phòng ngủ gồm có các bị cáo Lê Đức K, Lê Trung Đ, Nguyễn Văn Th và Lê Văn T; tại chiếu bạc này, các bị cáo đã tự để ra mép chiếu số tiền 230.000 đồng cũng nhằm mục đích để trả tiền phế cho bị cáo Lê Văn Q. Trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện PT, Thành phố Hà Nội phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng. Tại chiếu bạc ở phòng khách, các bị cáo đã sử dụng số tiền 11.260.000 đồng để đánh bạc. Tại chiếu bạc ở phòng ngủ, các bị cáo đã sử dụng số tiền 5.090.000 đồng để đánh bạc.

Như vậy với hành vi như trên của bị cáo Lê Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội Gá bạc, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự. Với hành vi của các bị cáo Lê Thanh M, Bùi Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn M1, Lê Đức K, Lê Trung Đ, Nguyễn Văn Th và Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ của vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Do vậy, cần phải xử phạt đối với các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi đã gây ra nhằm mục đích giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Lê Văn Q cho rằng do là trong những ngày xuân, ngày đầu năm mới, các bị cáo khác toàn là anh em hàng xóm đến chơi nhà, tự rủ nhau đánh tá lả, bị cáo vì nể nên cho chơi bài. Bị cáo có nhìn thấy các bị cáo có để tiền ở mép chiếu mục đích của các bị cáo là để trả tiền thuốc nước cho bị cáo, nhưng bị cáo chưa nhận, mặt khác mục đích của bị cáo cũng không phải cho chơi bài để thu tiền. Với ý nghĩ như vậy thì đáng ra bị cáo

phải không cho các bị cáo khác đánh bài, nhưng bị cáo không ngăn cản mà vẫn cho chơi, như vậy bị cáo đã có ý thức là để các bị cáo khác đánh bạc trái phép tại nơi ở của mình.

Tại hai chiếu bạc, các bị cáo đều cùng rủ nhau chơi đánh tá lả trái phép để xát phạt nhau, các bị cáo đều tự đến nhà bị cáo Q, không có ai gọi rủ nhau đến, rồi cùng nhau đánh bài. Như vậy trong việc đánh bạc không có việc bàn bạc, tổ chức mà chỉ là tự phát. Bị cáo Lê Thanh M khi tham gia đánh bạc mang theo 5.900.000 đồng mục đích để đánh bạc. Bị cáo Bùi Văn C có khoảng 2.500.000 đồng mang theo khi đến đánh bạc, đến khi bị bắt thua hết nên không bị thu giữ gì. Bị cáo Nguyễn Văn N khi tham gia đánh bạc có khoảng 2.300.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Tuấn M1 mang theo 400.000 đồng để đánh bạc, khi bị phát hiện do hoảng sợ nên vứt bỏ tiền xuống chiếu bạc để bỏ chạy. Bị cáo Lê Đức K khi đến nhà bị cáo Q có mang theo khoảng 800.000 đồng để đánh bạc, sau khi thua hết thì bị cáo Q có trả nợ 1.000.000 đồng cho bị cáo và bị cáo đã dùng số tiền đó để đánh bạc. Bị cáo Lê Trung Đ khi tham gia đánh bạc có dùng số tiền 1.700.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Văn Th khi đến đánh bạc có mang theo khoảng 1.060.000 đồng mục đích để đánh bạc. Bị cáo Lê Văn T khi đến nhà bị cáo Q đã dùng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo Lê Thanh M, Bùi Văn C, Nguyễn Văn N, Lê Đức K, Lê Trung Đ, Nguyễn Văn Th, Lê Văn T đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Lê Văn T đã có thời gian phục vụ trong Quân đội. Bị cáo Lê Văn Q sống một mình, không có ai ở cùng, là lao động chính, bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ Quân sự và hoàn thành trở về địa phương. Bị cáo Nguyễn Tuấn M1 sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo đã tích cực giúp đỡ báo tin cho Cơ quan Công an trong việc phát hiện, xử lý đối với các tội phạm hình sự về ma túy tại địa phương; bị cáo có bác ruột là ông Nguyễn Văn Cương có công trong Kháng chiến Chống Mỹ và được tặng thưởng Bằng khen.

Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, đều chấp hành đầy đủ quy định của địa phương. Vì vậy cần áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối các bị cáo M, C, N, K, Đ, Th, T và áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối các bị cáo Q, M1; áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

[6]. Về nhân thân: Bị cáo Q, M1 đã có tiền án; đã được xóa án tích từ lâu. Các bị cáo khác đều chưa có tiền án, tiền sự.

[7]. Với những phân tích như trên, Hội đồng xét xử căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự thì không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa

phương, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước như vậy cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có điều kiện về kinh tế để thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo qui định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 của Bộ luật hình sự. Không khấu trừ thu nhập đối với bịcáo Tùng.

[9]. Đối với ông Lê Văn C3 là người có mặt tại nơi đánh bạc khi lực lượng Công an bắt quả tang. Kết quả điều tra xác định ông Lê Văn C3 không tham gia đánh bạc, không có hành vi gì liên quan đến việc đánh bạc, gá bạc nên không có căn cứ xử lý hình sự. Công an huyện PT, Thành phố Hà Nội đã nhắc nhở, giáo dục đối với ông C3 để phòng ngừa tội phạm.

[10]. Về vật chứng: Đối với những chiếc điện thoại di động đã thu giữ của các bị cáo và ông Lê Văn C3. Quá trình điều tra xác định không có ai sử dụng để gọi điện rủ rê đánh bạc, kiểm tra không phát hiện gì liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật. Ngày 24/02/2020 các bị cáo và ông Lê Văn C3 đã có đơn xin nhận lại tài sản. Ngày 27/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu và trả lại những tài sản trên cho các bị cáo và ông Cây; sau khi nhận lại tài sản thì không ai có ý kiến đề nghị gì. Đối với số tiền 4.700.000 đồng thu giữ trên người ông Lê Văn C3 và số tiền 3.100.000 đồng thu giữ trên người bị cáo Lê Văn T. Quá trình điều tra xác định ông C3, bị cáo T không có mục đích sử dụng số tiền này để đánh bạc, không phát hiện gì liên quan đến việc vi phạm pháp luật; số tiền trên là tài sản hợp pháp của ông C3 và bị cáo T, nên Cơ quan điều tra đã trả lại. Đối với số tiền 16.350.000 đồng là tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành, đây là tiền đánh bạc và mục đích để đánh bạc nên tịch thu xung quỹ Nhà nước. Đối với bốn bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân là công cụ để các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc, nên tịch thu tiêu hủy.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội Gá bạc.

Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh M, Bùi Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn M1, Lê Đức K, Lê Trung Đ, Nguyễn Văn Th và Lê Văn T phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh M 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 10 (Mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 10 (Mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn M1 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Đức K 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lê Trung Đ 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Lê Văn Q, Lê Thanh M, Bùi Văn C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tuấn M1, Lê Đức K, Lê Trung Đ, Nguyễn Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội theo dõi, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi làm việc, nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo bị cáo Lê Văn T 07 (Bảy) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 08/02/2020 (01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày Cải tạo không giam giữ). Thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ của bị cáo còn phải chấp hành là 06 (Sáu) tháng 18 (Mười tám) ngày. Thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu xung quỹ Nhà nước số tiền 16.350.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy 04 (Bốn) bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ gồm 52 quân.

(Vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/6/2020 và theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 02/6/2020).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSNDThành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Công an huyện PT;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Duy Chinh